

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2020/HNGĐ - ST

Ngày 28/8/2020

V/v: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH BẾN TRE**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thúy Hằng
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 1. Ông: Nguyễn Tổng Nê
 2. Ông: Trần Văn Tùng
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Đoàn Ngọc Sơn – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 28/8/2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 347/2020/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020, về việc: “**Xin ly hôn**” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/8/2020 giữa các đương sự:

- + Nguyên đơn: Chị **Ngô Thị Trúc L**, sinh năm: 1987.
- + Bị đơn: Anh **Bùi Hữu T**, sinh năm: 1980.
- Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có Luật sư Trần Nhật Long H – Văn phòng Luật sư H thuộc đoàn luật sư tỉnh Bến Tre.
- + Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Ngô Thanh T**, sinh năm: 1955.
- Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.
- Tại phiên tòa, các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 09/7/2020, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là chị Ngô Thị Trúc L trình bày:

Chị và anh T kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do anh T không lo làm ăn mà thường nhậu nhẹt và không quan tâm đến gia đình. Chị nhiều lần động viên khuyên giải để vợ chồng hòa hợp nhưng không được vì anh T không những chửi bới chị mà còn xúc phạm gia đình chị. Có lần, anh T đánh chị bị sảy thai phải nằm viện cấp cứu. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt hơn nên chị về nhà cha ruột sống và ly thân với anh T từ năm 2019. Đầu năm 2020, chị làm đơn xin ly hôn với anh T tại Tòa án nhân

dân huyện C. Sau đó, chị xin rút đơn khởi kiện nhằm tạo cơ hội để vợ chồng hàn gắn nhưng anh T vẫn không sửa đổi. Anh thường xuyên dùng điện thoại nhắn tin xúc phạm, đe dọa làm tinh thần chị luôn trong trạng thái lo sợ. Hiện, chị không còn tình cảm với anh T và không còn cách nào khác là làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Bùi Nhật N, sinh ngày 22/5/2008 hiện đang sống với chị, chị yêu cầu tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về T sản chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh T có mượn của cha ruột chị là ông Ngô Thanh T số tiền 250.000.000 đồng để xây căn nhà trên đất của cha chị để vợ chồng cùng ở, hiện anh T đang ở. Nay, anh cha chị chưa yêu cầu giải quyết chị cũng đồng ý.

Bị đơn là anh Bùi Hữu T trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị L về thời gian kết hôn và đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống chung trong nhà có xảy ra mâu thuẫn do không cùng quan điểm nhưng chưa đến mức trầm trọng. Do, anh có uống rượu vào nóng tính có một lần đánh chị L, anh không biết chị L có thai. Anh không có đánh chị L nhiều lần như chị L trình bày. Chị L bỏ nhà về nhà cha ruột sống đến nay hơn 07 tháng, anh có đến động viên khuyên giải để chị L về nhà sống và lo cho con nhưng chị L không chịu gặp anh và không cho anh cơ hội để sửa đổi. Anh thừa nhận có lỗi đã đánh chị L nhưng nguyên nhân do chị L cần nhẫn và xúc phạm gia đình anh. Anh có nhắn tin đe dọa để chị L sợ hãi quay về nhà đoàn tụ gia đình chứ không có làm gì chị L. Nay, chị L xin ly hôn, anh không đồng ý vì vẫn còn thương chị L, anh muốn vợ chồng đoàn tụ để lo cho con.

Về con chung: Do anh mong muốn đoàn tụ với chị L nên không ý kiến.

Về T sản chung: Có 01 căn nhà cất trên phần đất tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị L, anh yêu cầu chia đôi nhận $\frac{1}{2}$ giá trị nhà và đất. Hiện anh không có tranh chấp trong vụ kiện này. Nếu Tòa án không chấp nhận yêu cầu của anh, anh sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

Về nợ chung: Không có, chị L khai nợ tiền của cha vợ là ông Ngô Thanh T, anh không biết nên không có yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Ngô Thanh T trình bày:

Vào năm 2017, ông có cho con gái và con rể mượn số tiền 250.000.000 đồng để xây căn nhà trên phần đất của ông đứng tên quyền sử dụng. Căn nhà này hiện anh T đang quản lý, sử dụng. Nay, chị L và anh T xảy ra mâu thuẫn và làm đơn xin ly hôn tại Tòa án là do anh chị tự quyết định, ông không có ý kiến. Nếu, anh T có tranh chấp phần T sản chung giữa chị L, anh T thì ông yêu cầu anh T, chị L trả nợ cho ông. Hiện anh T, chị L không tranh chấp nên ông không có yêu cầu đòi nợ trong vụ án này. Nếu sau này, anh T, chị L có tranh chấp ông sẽ khởi kiện chị L, anh T bằng vụ án khác nếu không thỏa thuận được.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn luật sư Trần Nhật Long H trình bày:

Chị Ngô Thị Trúc L và anh Bùi Hữu T tự nguyện kết hôn vào năm 2008. Trong thời gian sống chung hai bên xảy ra mâu thuẫn nên chị L xin ly hôn. Anh T xin đoàn tụ nhưng không có thiện chí. Lý do, anh T thường xuyên dùng điện thoại nhắn tin gửi cho chị L bằng lời lẽ không hay xúc phạm, đe dọa chị L. Chứng cứ chị L đã cung cấp cho Tòa án có ghi cụ thể ngày tháng năm được trích ra từ số điện của anh

T nhấn tin vào số điện thoại của chị L. Tại Tòa anh T cũng thừa nhận là ngoài tin nhắn anh còn dùng bạo lực đánh chị L. Anh cho rằng có nhiều chứng cứ chứng minh về lỗi của chị L nhưng anh không cung cấp cho Tòa án và anh cũng không có chứng cứ nào khác để chứng minh hôn nhân của anh chị có thể đoàn tụ và sống hạnh phúc được. Chị L vì sợ những hành vi đe dọa của anh T sẽ xảy ra nên không thể sống chung với anh T được nữa và làm đơn xin ly hôn là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu của chị L xử cho chị L ly hôn với anh T và giao con chung cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp với ý nguyện của con.

Về T sản chng, nợ chung các đương sự không tranh chấp nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của các đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu của chị Ngô Thị Trúc L đối với anh Bùi Hữu T. Về T sản chung, nợ chung các đương sự không có cung cấp chứng cứ và không làm đơn yêu cầu. Tại phiên tòa, các đương sự cũng không có tranh chấp nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận, các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có tranh chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các T liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự phát biểu tranh luận. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Ngô Thị Trúc L và anh Bùi Hữu T tự nguyện kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nên đã ly thân cho đến nay. Nay, chị L xin ly hôn. Anh T xin được đoàn tụ. Xét thấy, hôn nhân gia đình xuất phát từ tình yêu thương và sự tự nguyện giữa các bên không ai có quyền ngăn cản hay ép buộc. Trong thời gian sống chung, do anh T và chị L không cùng quan điểm nên phát sinh mâu thuẫn. Khi xảy ra mâu thuẫn chị L đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng sau đó xin rút đơn khởi kiện và được Tòa án nhân dân huyện C ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 46/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15/5/2020 đã có hiệu lực pháp luật. Điều này chứng minh, chị L đã cho anh T cơ hội đoàn tụ nhưng hai bên không thể hòa hợp được. Anh T thừa nhận là do nóng tính nên có đánh chị L nhưng do chị L cũng có một phần lỗi và anh có nhấn tin đe dọa chị L nhằm mục đích để chị L về nhà sống và đoàn tụ gia đình. Chị L cho rằng, với hành động và những tin nhắn trên làm cho tinh thần chị L hoang mang, lo sợ và bị đe dọa đến tính mạng nên không thể sống chung với anh T được. Anh T cho rằng, vẫn còn tình cảm với chị L nhưng anh không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình. Thực tế, anh T có hành vi hành hung và đe dọa chị L, anh T cũng thừa nhận. Hội đồng xét xử thấy rằng, trong thời gian chung sống giữa anh T và chị L có xảy ra hành vi

bạo lực gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh T và ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

[2] Trong thời gian chung sống, chị L và anh T có 01 con chung tên Bùi Nhật N, sinh ngày 22/5/2008 hiện đang sống với chị L, chị L yêu cầu tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T anh không ý kiến vì mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng lo cho con. Xét thấy, việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn không những là quyền mà còn là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên. Qua xác minh thu thập chứng cứ tại địa phương nơi cháu N đang sinh sống cho thấy, cháu N đang sống với chị L, chị L vẫn đảm bảo được việc nuôi dạy con tốt không có vi phạm gì và cháu N cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Để đảm bảo cho đời sống của con sau này và để không làm xáo trộn cuộc sống của con nên ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự. Giao cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp và ghi nhận chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về T sản chung: Anh T yêu cầu chị L chia cho anh 1/2 phần trị giá căn nhà và đất tại ấp Bình An, xã B. Tòa án đã tiến hành thông báo cho anh T giao nộp chứng cứ trong thời hạn luật định nếu anh có yêu cầu chia T sản chung thì làm đơn yêu cầu và đóng tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật. Nhưng đã quá thời hạn mà Tòa án ấn định anh T không thực hiện. Tại phiên tòa, anh không tranh chấp T sản chung với chị L, nếu Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của anh thì anh sẽ tranh chấp T sản với chị L sau ly hôn. Hiện, chị L cũng không có tranh chấp T sản chung với anh T nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh T và chị L có quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[4] Về nợ chung: Anh T khai không có, chị L và ông T (chủ nợ) không có tranh chấp. Xét đây là sự tự nguyện của các đương sự nên ghi nhận.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Ngô Thị Trúc L đối với anh Bùi Hữu T.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Ngô Thị Trúc L và anh Bùi Hữu T được ly hôn.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Trúc L được tiếp tục trông nom chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung tên Bùi Nhật N, sinh ngày 22/5/2008 cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi. Ghi nhận chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về T sản chung: Chị L, anh T không tranh chấp nên ghi nhận. Anh T, chị L có quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

4. Về nợ chung: Các đương sự không tranh chấp nên ghi nhận. Các đương sự có khởi kiện bằng vụ án khác khi có tranh chấp.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Trúc L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*). Do chị L đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0001262 ngày 14/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre nên được khấu trừ. Chị L đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có mặt tại tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- *TAND T. Bến Tre;*
- *VKS H. Châu Thành;*
- *CCTHADS H. Châu Thành;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã, phường (nơi ĐKKH).*
- *Lưu.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Hằng